

Số: 60/TTr-UBND

Bù Đăng, ngày 17 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH
**Về việc đề nghị thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương năm 2024**

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Bù Đăng về việc Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C trong trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Bù Đăng về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn ngân sách huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024;

Theo đề nghị của Trường phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số 123/TTr-TCKH ngày 15/4/2024 về việc đề nghị thông qua Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C trong trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện; Thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025; Thông qua bổ sung danh mục và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024.

UBND huyện Bù Đăng kính trình HĐND huyện thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024, với các nội dung cụ thể như sau:

A. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công:



1. Việc phân bổ vốn đầu tư công trung hạn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.

2. Việc bố trí vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

3. Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.

B. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công: 201.300 triệu đồng. *Bằng chữ: (Hai trăm lẻ một tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn).*

Trong đó:

1. Nguồn vốn:

- Vốn phân cấp:	31.900 triệu đồng.
- Vốn sử dụng đất:	78.400 triệu đồng.
- Vốn tỉnh hỗ trợ 30 phòng học	21.000 triệu đồng.
- Vốn cân đối ngân sách	70.000 triệu đồng.

2. Cơ cấu phân bổ nguồn vốn đầu tư XDCB năm 2024:

- TTKL cho các dự án chuyển tiếp: 26.342 triệu đồng, chiếm 13,09% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, phân bổ cho 03 dự án.

- Bố trí cho công trình khởi công mới năm 2024: 66.400 triệu đồng, chiếm 32,99% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, phân bổ cho 10 dự án.

- Chuẩn bị đầu tư năm 2024 - 2025: 2.300 triệu đồng, chiếm 1,14% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, phân bổ cho 23 dự án.

- Vốn bố trí các công trình đầu tư bổ sung năm 2024: 88.258 triệu đồng, chiếm 43,84% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

- Đối ứng Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: 12.000 triệu đồng, chiếm 5,96% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

- Đối ứng Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1.500 triệu đồng, chiếm 0,75% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

- Giải phóng mặt bằng: 2.000 triệu đồng, chiếm 0,99% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

- Kinh phí hỗ trợ Phòng Giao dịch ngân hàng CSXH cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác: 2.000 triệu đồng, chiếm 0,99% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

- Kinh phí ủy thác ngân sách cho Quỹ hỗ trợ nông dân: 500 triệu đồng, chiếm 0,25% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- TT. HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- LĐVP, CV: KT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Mười





ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

Kèm theo Tờ trình số 60 /TTr-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của UBND huyện Bù Đăng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế ước thanh toán đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024					Tăng (+); Giảm (-)					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách		
	Tổng cộng	780.548	23.971	201.300	31.900	78.400	21.000	70.000	201.300	31.900	78.400	21.000	70.000	-	-	-	-	-		
A	CẤP HUYỆN	780.548	23.971	201.300	31.900	78.400	21.000	70.000	201.300	31.900	78.400	21.000	70.000	-	-	-	-	-		
I	TTKL CÁC CÔNG TRÌNH NĂM 2023 CHUYÊN TIẾP	54.990	23.971	26.342	7.000	10.342	9.000	-	26.342	7.000	10.342	9.000	-	-	-	-	-	-		
*	LĨNH VỰC HẠ TẦNG GIAO THÔNG	14.990	6.500	7.000	7.000	-	-	-	7.000	7.000	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu, thị trấn Đức Phong	14.990	6.500	7.000	7.000	-	-	-	7.000	7.000	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
*	LĨNH VỰC GIÁO DỤC	40.000	17.471	19.342	-	10.342	9.000	-	19.342	-	10.342	9.000	-	-	-	-	-	-		
2	Xây dựng khôi các phòng bộ môn, khôi phòng hành chính, hỗ trợ, phụ trợ, các phòng và hạng mục khác Trường TH&THCS Trần Văn Ôn, xã Bom Bo	28.000	13.971	12.000	-	8.000	4.000	-	12.000	-	8.000	4.000	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
3	Xây dựng 06 phòng HC, 04 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ, các phòng diêm Thôn 4 và các hạng mục khác Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	12.000	3.500	7.342	-	2.342	5.000	-	7.342	-	2.342	5.000	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
II	CÁC CÔNG TRÌNH KHÔI CÔNG MỖI NĂM 2024	220.600	-	29.800	-	17.800	12.000	-	66.400	22.400	32.000	12.000	-	36.600	22.400	14.200	-	-	-	
*	LĨNH VỰC GIÁO DỤC	50.000	-	29.000	-	17.000	12.000	-	29.000	-	17.000	12.000	-	-	-	-	-	-		
1	Xây dựng Trường TH Đăk Nhau	50.000	-	29.000	-	17.000	12.000	-	29.000	-	17.000	12.000	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
*	LĨNH VỰC HẠ TẦNG GIAO THÔNG	165.600	-	800	-	800	-	-	35.400	21.400	14.000	-	-	34.600	21.400	13.200	-	-		

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế ước thanh toán đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024					Tăng (+); Giảm (-)					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách		
2	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong	109.000		100		100			10.000	5.000	5.000			9.900	5.000	4.900	-	-	Ban QLDA&TXD	
3	Xây dựng một số cầu cống tại các xã: Đường 10, Phước Sơn và Đoàn Kết	11.000		100		100			5.500	3.000	2.500			5.400	3.000	2.400	-	-	Phòng KT & HT	
4	Xử lý cấp bách chống ngập úng và chỉnh trang đô thị thị trấn Đức Phong	14.500		100		100			6.400	4.400	2.000			6.300	4.400	1.900	-	-	Phòng KT & HT	
5	Xây dựng đường điện chiếu sáng xã Đức Liễu (Từ ngã ba Sao Bọng đi ngã ba 33)	4.100		100		100			1.500	1.000	500			1.400	1.000	400	-	-	Phòng KT & HT	
6	Nâng cấp, mở rộng từ ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Đức Phong	10.000		100		100			6.000	4.000	2.000			5.900	4.000	1.900	-	-	Ban QLDA&TXD	
7	Xây dựng cầu ông Thọ, thôn 3, xã Đăng Hà	8.000		100		100			2.500	2.000	500			2.400	2.000	400	-	-	Phòng KT & HT	
8	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường Sao Bọng - Đăng Hà (đoạn dốc 5 cây)	4.000		100		100			1.500	1.000	500			1.400	1.000	400	-	-	Phòng KT & HT	
9	Xây dựng một số cầu cống tại các xã: Bom Bo, Đak Nhau	5.000		100		100			2.000	1.000	1.000			1.900	1.000	900	-	-	Phòng KT & HT	
*	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH	5.000	-	-	-	-	-	-	2.000	1.000	1.000	-	-	2.000	1.000	1.000	-	-		
10	Xây dựng nhà ở doanh trại và các hạng mục khác công an một số xã	5.000		-		-			2.000	1.000	1.000			2.000	1.000	1.000	-	-	Ban QLDA&TXD	
III	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2024 - 2025	349.000	-	2.200	-	2.200	-	-	2.300	-	2.300	-	-	100	-	100	-	-		
*	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO	18.500	-	200	-	200	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-		

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế ước thanh toán đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024					Tăng (+); Giảm (-)					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách		
1	Xây dựng các phòng học, các phòng chức năng và các hạng mục khác Trường MN Đăng Hà, xã Đăng Hà	12.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDABTXD	
2	Xây dựng, nâng cấp nhà vệ sinh và các hạng mục khác các trường học năm 2024	6.500		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDABTXD	
*	LĨNH VỰC HẠ TẦNG GIAO THÔNG	130.300	-	600	-	600	-	-	600	-	600	-	-	-	-	-	-	-		
3	Xây dựng một số tuyến đường TTHC xã Đăng Hà	16.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDABTXD	
4	Nâng cấp vỉa hè, mương thoát nước, điện chiếu sáng đường Trần Phú, đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn còn lại) - thị trấn Đức Phong	5.300		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDABTXD	
5	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng dọc QL. 14 các đoạn còn lại (gồm các xã: Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Đức Liễu, Minh Hưng, Đoàn Kết, Thọ Sơn, Phú Sơn)	52.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Phòng KT & HT	
6	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong (giai đoạn 2)	33.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDABTXD	
7	Nâng cấp vỉa hè, mương thoát nước, điện chiếu sáng đường Nguyễn Thị Minh Khai - thị trấn Đức Phong	12.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDABTXD	
8	Xây dựng các tuyến đường khu quy hoạch Trường Phổ thông DTNT THCS và THPT Điều Ong, huyện Bù Đăng	12.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Phòng KT & HT	
*	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH	108.000	-	400	-	400	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-		
9	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	30.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDABTXD	



STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế ước thanh toán đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024					Tăng (+); Giảm (-)					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách		
10	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường và các hạng mục khác UBND huyện	10.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
11	Xây dựng Khô tru sở UBND xã, Công an xã và Ban CHQS xã Đăng Hà	28.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
12	Xây dựng Trung tâm Chính trị huyện Bù Đăng	40.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
*	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH	52.500	-	600	-	600	-	-	600	-	600	-	-	-	-	-	-	-		
13	Xây dựng khô tru sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Thọ Sơn và Phú Sơn	8.000	-	100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
14	Xây dựng khô tru sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Phước Sơn và Đoàn Kết	9.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
15	Xây dựng khô tru sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Minh Hưng, Bình Minh và Đồng Nai	14.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
16	Xây dựng khô tru sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Nghĩa Bình và Nghĩa Trung	9.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
17	Xây dựng khô tru sở làm việc và các hạng mục khác công an xã Đường 10	4.500		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
18	Xây dựng Hội trường Công an huyện	8.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
*	LĨNH Y TẾ	20.500	0	200	0	200	0	0	200	0	200	0	0	-	-	-	-	-		

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế ước thanh toán đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024					Tăng (+); Giảm (-)					Chú đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách		
VII	CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1.000 HỘ NGHÈO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIẾU SỐ NĂM 2024											-	-	-	-	-	-	-		UBND huyện giao chi tiết vốn sau khi có Quyết định tỉnh giao
VIII	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG											-	-	-	-	-	-	-		UBND huyện giao chi tiết vốn sau khi có Quyết định tỉnh giao
IX	GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	15.000	-	2.000	-	2.000	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-	-		
I	Vùng lõi căn cứ Hậu cần - kỹ thuật huyện Bù Đăng	15.000	-	2.000		2.000			2.000		2.000			-	-	-	-	-	TTPTQĐ	
X	KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CSXH CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC	2.000		2.000	2.000				2.000	2.000				-	-	-	-	-	NHCSXH huyện	
XI	KINH PHÍ ỦY THÁC NGÂN SÁCH CHO QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN	500		500	500				500	500				-	-	-	-	-	Hội Nông dân huyện	



STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế ước thanh toán đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024					Tăng (+); Giảm (-)					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách		
19	Nâng cấp, sửa chữa các khoa phòng và các hạng mục khác Trung tâm Y tế huyện Bù Đăng	14.500		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
20	Xây dựng Trạm Y tế thị trấn Đức Phong	6.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
*	LĨNH VĂN HÓA	19.200	0	200	0	200	0	0	300	0	300	0	0	100	-	100	-	-		
21	Sửa chữa và cải tạo cảnh quan Nhà tiếp đón Khu bảo tồn Văn hóa dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo	3.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Phòng KT & HT	
22	Nâng cấp, sửa chữa sân, cải tạo công viên và các hạng mục khác Nhà bia ghi danh, xã Bom Bo	1.500		100		100			100		100			-	-	-	-	-	UBND xã Bom Bo	
23	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Văn hóa huyện	14.700		-					100		100			100	-	100	-	-	Phòng KT & HT	
IV	VỐN BỐ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ BỔ SUNG NĂM 2024	124.958	-	124.958	22.400	32.558	-	70.000	88.258	-	18.258	-	70.000	(36.700)	(22.400)	(14.300)	-	-		
V	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 2024	12.000	-	12.000	-	12.000	-	-	12.000	-	12.000	-	-	-	-	-	-	-		UBND huyện giao chi tiết vốn sau khi có Quyết định tỉnh giao
	Trong đó:	-		-					-					-						
1	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình	12.000		12.000		12.000			12.000		12.000			-	-	-	-	-		
VI	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	1.500	-	1.500	-	1.500	-	-	1.500	-	1.500	-	-	-	-	-	-	-		UBND huyện giao chi tiết vốn sau khi có Quyết định tỉnh giao
	Trong đó:	-		-					-					-						
1	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình	1.500		1.500		1.500			1.500		1.500			-	-	-	-	-		



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

Số: /NQ-HĐND

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bù Đăng, ngày tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương năm 2024**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Bù Đăng về việc Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C trong trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /4/2024 của HĐND huyện Bù Đăng về việc Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trong trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Bù Đăng về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn ngân sách huyện;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /4/2024 của HĐND huyện về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn ngân sách huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /4/2024 của UBND huyện về việc đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTXH ngày 05/4/2024 của Ban Kinh

tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024, với các nội dung như sau:

Điều chỉnh cơ cấu phân bổ nguồn vốn đầu tư XDCB năm 2024:

- TTKL cho các dự án chuyển tiếp: 26.342 triệu đồng.
- Bố trí cho công trình khởi công mới năm 2024: 66.400 triệu đồng.
- Chuẩn bị đầu tư năm 2024 - 2025: 2.300 triệu đồng.
- Vốn bố trí các công trình đầu tư bổ sung năm 2024: 88.258 triệu đồng.
- Đối ứng Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: 12.000 triệu đồng.
- Đối ứng Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1.500 triệu đồng.
- Giải phóng mặt bằng: 2.000 triệu đồng.
- Kinh phí hỗ trợ Phòng Giao dịch ngân hàng CSXH cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác: 2.000 triệu đồng.
- Kinh phí ủy thác ngân sách cho Quỹ hỗ trợ nông dân: 500 triệu đồng.

(Kèm theo bảng chi tiết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Các nội dung khác không điều chỉnh vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện Bù Đăng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng khóa VII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

Nguyễn Tấn Hồng

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND huyện Bù Đăng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế ước toán đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024					Tăng (+); Giảm (-)					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách		
	Tổng cộng	780.548	23.971	201.300	31.900	78.400	21.000	70.000	201.300	31.900	78.400	21.000	70.000	-	-	-	-	-		
A	CẤP HUYỆN	780.548	23.971	201.300	31.900	78.400	21.000	70.000	201.300	31.900	78.400	21.000	70.000	-	-	-	-	-		
I	TTKL CÁC CÔNG TRÌNH NĂM 2023 CHUYÊN TIẾP	54.990	23.971	26.342	7.000	10.342	9.000	-	26.342	7.000	10.342	9.000	-	-	-	-	-	-		
*	LĨNH VỰC HẠ TẦNG GIAO THÔNG	14.990	6.500	7.000	7.000	-	-	-	7.000	7.000	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu, thị trấn Đức Phong	14.990	6.500	7.000	7.000				7.000	7.000				-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
*	LĨNH VỰC GIÁO DỤC	40.000	17.471	19.342	-	10.342	9.000	-	19.342	-	10.342	9.000	-	-	-	-	-	-		
2	Xây dựng khối các phòng bộ môn, khối phòng hành chính, hỗ trợ, phụ trợ, các phòng và hạng mục khác Trường TH&THCS Trần Văn Ôn, xã Bom Bo	28.000	13.971	12.000		8.000	4.000		12.000		8.000	4.000		-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
3	Xây dựng 06 phòng HC, 04 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ, các phòng điểm Thôn 4 và các hạng mục khác Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà	12.000	3.500	7.342		2.342	5.000		7.342		2.342	5.000		-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
II	CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024	220.600	-	29.800	-	17.800	12.000	-	66.400	22.400	32.000	12.000	-	36.600	22.400	14.200	-	-	-	
*	LĨNH VỰC GIÁO DỤC	50.000	-	29.000	-	17.000	12.000	-	29.000	-	17.000	12.000	-	-	-	-	-	-		
1	Xây dựng Trường TH Đăk Nhau	50.000		29.000		17.000	12.000		29.000		17.000	12.000		-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
*	LĨNH VỰC HẠ TẦNG GIAO THÔNG	165.600	-	800	-	800	-	-	35.400	21.400	14.000	-	-	34.600	21.400	13.200	-	-		



STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế ước thanh toán đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024					Tăng (+); Giảm (-)					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách		
2	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong	109.000		100		100			10.000	5.000	5.000			9.900	5.000	4.900	-	-	Ban QLDA&TXD	
3	Xây dựng một số cầu cống tại các xã: Đường 10, Phước Sơn và Đoàn Kết	11.000		100		100			5.500	3.000	2.500			5.400	3.000	2.400	-	-	Phòng KT & HT	
4	Xử lý cấp bách chống ngập úng và chỉnh trang đô thị thị trấn Đức Phong	14.500		100		100			6.400	4.400	2.000			6.300	4.400	1.900	-	-	Phòng KT & HT	
5	Xây dựng đường điện chiếu sáng xã Đức Liễu (Từ ngã ba Sao Bọng đi ngã ba 33)	4.100		100		100			1.500	1.000	500			1.400	1.000	400	-	-	Phòng KT & HT	
6	Nâng cấp, mở rộng từ ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Đức Phong	10.000		100		100			6.000	4.000	2.000			5.900	4.000	1.900	-	-	Ban QLDA&TXD	
7	Xây dựng cầu ông Thọ, thôn 3, xã Đăng Hà	8.000		100		100			2.500	2.000	500			2.400	2.000	400	-	-	Phòng KT & HT	
8	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường Sao Bọng - Đăng Hà (đoạn dốc 5 cây).	4.000		100		100			1.500	1.000	500			1.400	1.000	400	-	-	Phòng KT & HT	
9	Xây dựng một số cầu cống tại các xã: Bom Bo, Đak Nhau	5.000		100		100			2.000	1.000	1.000			1.900	1.000	900	-	-	Phòng KT & HT	
*	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH	5.000	-	-	-	-	-	-	2.000	1.000	1.000	-	-	2.000	1.000	1.000	-	-		
10	Xây dựng nhà ở doanh trại và các hạng mục khác công an một số xã	5.000		-		-			2.000	1.000	1.000			2.000	1.000	1.000	-	-	Ban QLDA&TXD	
III	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2024 - 2025	349.000	-	2.200	-	2.200	-	-	2.300	-	2.300	-	-	100	-	100	-	-		
*	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO	18.500	-	200	-	200	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-	-		

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế ước toán đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024					Tăng (+); Giảm (-)					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách		
1	Xây dựng các phòng học, các phòng chức năng và các hạng mục khác Trường MN Đăng Hà, xã Đăng Hà	12.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
2	Xây dựng, nâng cấp nhà vệ sinh và các hạng mục khác các trường học năm 2024	6.500		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
*	LĨNH VỰC HẠ TẦNG GIAO THÔNG	130.300	-	600	-	600	-	-	600	-	600	-	-	-	-	-	-	-		
3	Xây dựng một số tuyến đường TTHC xã Đăng Hà	16.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
4	Nâng cấp vỉa hè, mương thoát nước, điện chiếu sáng đường Trần Phú, đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn còn lại) - thị trấn Đức Phong	5.300		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
5	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng dọc QL.14 các đoạn còn lại (gồm các xã: Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Đức Liễu, Minh Hưng, Đoàn Kết, Thọ Sơn, Phú Sơn)	52.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Phòng KT & HT	
6	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong (giai đoạn 2)	33.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
7	Nâng cấp vỉa hè, mương thoát nước, điện chiếu sáng đường Nguyễn Thị Minh Khai - thị trấn Đức Phong	12.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
8	Xây dựng các tuyến đường khu quy hoạch Trường Phổ thông DTNT THCS và THPT Điều Ong, huyện Bù Đăng	12.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Phòng KT & HT	
*	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH	108.000	-	400	-	400	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-	-		
9	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	30.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	



STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế ước thanh toán đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024					Tăng (+); Giảm (-)					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách		
10	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường và các hạng mục khác UBND huyện	10.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
11	Xây dựng Khối trụ sở UBND xã, Công an xã và Ban CHQS xã Đăng Hà	28.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
12	Xây dựng Trung tâm Chính trị huyện Bù Đăng	40.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
*	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH	52.500	-	600	-	600	-	-	600	-	600	-	-	-	-	-	-	-		
13	Xây dựng khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Thọ Sơn và Phú Sơn	8.000	-	100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
14	Xây dựng khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Phước Sơn và Đoàn Kết	9.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
15	Xây dựng khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Minh Hưng, Bình Minh và Đồng Nai	14.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
16	Xây dựng khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Nghĩa Bình và Nghĩa Trung	9.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
17	Xây dựng khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an xã Đường 10	4.500		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
18	Xây dựng Hội trường Công an huyện	8.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
*	LĨNH Y TẾ	20.500	0	200	0	200	0	0	200	0	200	0	0	-	-	-	-	-		

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế ước thanh toán đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024					Tăng (+); Giảm (-)					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách		
19	Nâng cấp, sửa chữa các khoa phòng và các hạng mục khác Trung tâm Y tế huyện Bù Đăng	14.500		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
20	Xây dựng Trạm Y tế thị trấn Đức Phong	6.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
*	LĨNH VĂN HÓA	19.200	0	200	0	200	0	0	300	0	300	0	0	100	-	100	-	-		
21	Sửa chữa và cải tạo cảnh quan Nhà tiếp đón Khu bảo tồn Văn hóa dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo.	3.000		100		100			100		100			-	-	-	-	-	Phòng KT & HT	
22	Nâng cấp, sửa chữa sân, cải tạo công viên và các hạng mục khác Nhà bia ghi danh, xã Bom Bo	1.500		100		100			100		100			-	-	-	-	-	UBND xã Bom Bo	
23	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Văn hóa huyện	14.700		-					100		100			100	-	100	-	-	Phòng KT & HT	
IV	VỐN BỐ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ BỔ SUNG NĂM 2024	124.958	-	124.958	22.400	32.558	-	70.000	88.258	-	18.258	-	70.000	(36.700)	(22.400)	(14.300)	-	-		
V	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 2024	12.000	-	12.000	-	12.000	-	-	12.000	-	12.000	-	-	-	-	-	-	-		UBND huyện giao chi tiết vốn sau khi có Quyết định tỉnh giao
	Trong đó:	-		-					-					-						
1	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình	12.000		12.000		12.000			12.000		12.000			-	-	-	-	-		
VI	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	1.500	-	1.500	-	1.500	-	-	1.500	-	1.500	-	-	-	-	-	-	-		UBND huyện giao chi tiết vốn sau khi có Quyết định tỉnh giao
	Trong đó:	-		-					-					-						
1	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình	1.500		1.500		1.500			1.500		1.500			-	-	-	-	-		

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế ước thanh toán đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2024					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2024					Tăng (+); Giảm (-)					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ 30 phòng học	Vốn cân đối ngân sách		
VII	CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1.000 HỘ NGHÈO ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIẾU SỐ NĂM 2024											-	-	-	-	-	-	-		UBND huyện giao chi tiết vốn sau khi có Quyết định tỉnh giao
VIII	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG											-	-	-	-	-	-	-		UBND huyện giao chi tiết vốn sau khi có Quyết định tỉnh giao
IX	GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	15.000	-	2.000	-	2.000	-	-	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	-	-		
I	Vùng lõi căn cứ Hậu cần - kỹ thuật huyện Bù Đăng	15.000	-	2.000		2.000			2.000		2.000			-	-	-	-	-	TTPTQĐ	
X	KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CSXH CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC	2.000		2.000	2.000				2.000	2.000				-	-	-	-	-	NHCSXH huyện	
XI	KINH PHÍ ỦY THÁC NGÂN SÁCH CHO QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN	500		500	500				500	500				-	-	-	-	-	Hội Nông dân huyện	